



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00468/2026/PKQ (58.01W2601.0069)

VILAS 366

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm

Địa chỉ

Loại mẫu

Tình trạng mẫu

Số lượng mẫu

Thời gian nhận mẫu

Thời gian thử nghiệm

: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH TÂY HÀ NỘI
: Thôn Trại Chiêu, xã Sơn Đồng, Hà Nội
: Nước sạch
: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
: 01
: 06/01/2026
: 06/01/2026 - 14/01/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,28	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,24	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	0,03	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,96	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- **QCVN 01-1:2024/BYT**: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- **01W2601.0069**: Mẫu nước tại đồng hồ tổng MK01 (cấp xã Minh Khai, Hoài Đức cũ)

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Vũ Văn Tú

Trần Văn Cường



Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00469/2026/PKQ (58.01W2601.0070)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm
Địa chỉ
Loại mẫu
Tình trạng mẫu
Số lượng mẫu
Thời gian nhận mẫu
Thời gian thử nghiệm

: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH TÂY HÀ NỘI
: Thôn Trại Chiêu, xã Sơn Đồng, Hà Nội
: Nước sạch
: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
: 01
: 06/01/2026
: 06/01/2026 - 14/01/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/10 0mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/10 0mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,27	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,31	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	0,03	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,9	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2601.0070: Mẫu nước tại đồng hồ tổng KĐT Tân Tây Đô, xã Ô Diên, Hà Nội

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Trần Văn Cường

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00470/2026/PKQ (58.01W2601.0071)

VILAS 366

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm

Địa chỉ

Loại mẫu

Tình trạng mẫu

Số lượng mẫu

Thời gian nhận mẫu

Thời gian thử nghiệm

: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH TÂY HÀ NỘI
: Thôn Trại Chiếu, xã Sơn Đồng, Hà Nội
: Nước sạch
: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
: 01
: 06/01/2026
: 06/01/2026 - 14/01/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,28	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,46	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,9	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2601.0071: Mẫu nước tại đồng hồ tổng KS_Dan Phuong (cấp huyện Đan Phượng cũ).

- (a): Thông số được Vilas công nhận;

- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Trần Văn Cường

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh





VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)



Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203

ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00471/2026/PKQ (58.01W2601.0072)

VILAS 366

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm

Địa chỉ

Loại mẫu

Tình trạng mẫu

Số lượng mẫu

Thời gian nhận mẫu

Thời gian thử nghiệm

: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH TÂY HÀ NỘI

: Thôn Trại Chiêu, xã Sơn Đồng, Hà Nội

: Nước sạch

: Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất

: 01

: 06/01/2026

: 06/01/2026 - 14/01/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform tổng số ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<1
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Arsenic (As) ^(a)	mg/L	US EPA 6020B: 2014	<0,0007	0,01
4.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,22	Trong khoảng 0,2-1,0
5.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2
6.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
7.	Mùi ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,37	Trong khoảng 6,0-8,5
9.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	TCVN 6179 - 1: 1996	<0,01	1
10.	Permanganat ^(a)	mg /L	TCVN 6186: 1996	0,96	2

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.

3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

Ghi chú: KPH: Không phát hiện

- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

- 01W2601.0072: Mẫu nước tại đồng hồ KH Nguyễn Văn Nam ở khu X10, thôn 1, xã Sơn Đồng

- (a): Thông số được Vilas công nhận;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN


Vũ Văn Tú

QA/QC


Trần Văn Cường

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2026

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG




Nguyễn Quang Ninh

